

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-PT

Ngày 01-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Tiến

Bà Lê Thị Mỹ Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Võ Đại Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Võ Văn Quyền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 tháng 02 năm 2020 và ngày 01 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2020/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2020, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/QĐPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 300/TB-TA ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Thông báo về việc chuyển ngày xét xử số 334/TB-TA ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Tuyết A - sinh năm 1970; cư trú tại số 129 đường X, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Thiệu Quang V; cư trú tại tổ Z, phường Y, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 09/9/2019).

- *Bị đơn*: Ông Đỗ Đức T - sinh năm 1956; cư trú tại thôn V, xã P, huyện Đ (nay là thôn V, xã P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh L - sinh năm 1992; cư trú tại khu dân cư 25, thôn T, xã U, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Huỳnh P - sinh năm 1962; cư trú tại số 129 đường X, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh P: Ông Thiệu Quang V; cư trú tại tổ Z, phường Y, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 09/9/2019).

2. Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1961; cư trú tại thôn V, xã P, huyện Đ (nay là thôn V, xã P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Chị Nguyễn Thị Thanh L - sinh năm 1992; cư trú tại khu dân cư F, thôn T, xã U, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 10/02/2020).

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1961; cư trú tại thôn V, xã P, huyện Đ (nay là thôn V, xã P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

(Ông Thiệu Quang V, chị Nguyễn Thị Thanh L có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện không đề ngày, tháng, năm 2019, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 06 tháng 6 năm 2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Võ Thị Tuyết A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh P do ông Thiệu Quang V đại diện trình bày: Bà Võ Thị Tuyết A, ông Huỳnh P với ông Đỗ Đức T có mối quan hệ làm ăn mua bán gỗ keo với nhau. Từ năm 2012 đến năm 2016, ông T nhiều lần mượn tiền của bà A, ông P để đầu tư trồng rừng và kinh doanh mua bán gỗ cho các doanh nghiệp ở Khu công nghiệp Dung Quất. Tính đến ngày 31/7/2016, ông T còn nợ bà A, ông P số tiền 2.109.000.000 đồng. Ông T có viết giấy mượn tiền và hứa sẽ trả dần cho bà A và ông P nhưng ông T không trả. Sau đó, dù bà A và ông P đã

nhiều lần yêu cầu ông T, bà Nguyễn Thị H (vợ của ông T) trả tiền nhưng ông T và bà H vẫn không trả. Nay, bà A và ông P yêu cầu ông T, bà H phải trả cho bà A, ông P số tiền 2.109.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 8%/năm, tính từ ngày 01/11/2016 đến ngày 06/6/2019 là 31 tháng, thành tiền là 435.000.000 đồng, còn tiền lãi sau ngày 06/6/2019 cho đến nay, bà A và ông P không yêu cầu trả.

** Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Đỗ Đức T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không đến Tòa án làm việc.*

** Tại văn bản trình bày ngày 19/06/2019, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 2011, bà biết ông Đỗ Đức T với ông Huỳnh P, bà Võ Thị Tuyết A có quan hệ làm ăn với nhau. Ông T có vay của bà A, ông P số tiền khoảng 1.300.000.000 đồng nhưng số tiền này ông T sử dụng vào mục đích gì thì bà không biết. Đến khi bà A, ông P đến nhà yêu cầu trả nợ thì bà mới biết, vì sĩ diện gia đình nên bà chấp nhận trả thay ông T số tiền trên cho bà A, ông P. Đối với số tiền 2.109.000.000 đồng, bà A và ông P yêu cầu bà và ông T có nghĩa vụ trả thì bà không đồng ý vì ông T bỏ nhà đi từ năm 2014 đến năm 2017 mới về; trong giấy mượn tiền chỉ một ông T viết và ký, bà không biết và không ký.*

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi đã xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tuyết A và ông Huỳnh P. Buộc ông Đỗ Đức T và bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Tuyết A và ông Huỳnh P số tiền 2.544.000.000 đồng (hai tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu), trong đó, tiền nợ gốc là 2.109.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 435.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ liên quan đến việc thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

** Ngày 10/12/2019, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Bà không đồng ý cùng với ông Đỗ Đức T trả số tiền 2.554.000.000 đồng cho bà Võ Thị Tuyết A và ông Huỳnh P vì khoản nợ này bà không biết, đồng thời bà không ký vào giấy mượn tiền.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm*

phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H làm trong hạn luật định là hợp lệ theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; sửa bản án sơ thẩm, buộc ông Đỗ Đức T phải có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Tuyết A, ông Huỳnh P số tiền 2.544.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 2.109.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 435.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 26 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) xét xử vụ án nêu trên. Ngày 10/12/2019, bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận Giấy mượn tiền đề ngày 31/7/2016 chỉ có ông Đỗ Đức T viết và ký, bà Nguyễn Thị H không ký. Theo bà Võ Thị Tuyết A, số tiền 2.109.000.000 đồng ông T mượn của bà là để kinh doanh mua bán cây keo, hợp tác, đầu tư trồng rừng... nhằm phát triển kinh tế gia đình nên dù Giấy mượn tiền chỉ một mình ông T viết và ký nhưng bà H là vợ của ông T, số tiền nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, nên bà H phải có trách nhiệm cùng ông T trả tiền cho bà và ông Huỳnh P. Về phía bà H thì cho rằng việc ông T mượn của bà A số tiền 2.109.000.000 đồng, bà hoàn toàn không biết vì từ năm 2014 đến năm 2017, ông T không có mặt tại địa phương; ông T không sử dụng số tiền này chi tiêu sinh hoạt và phát triển kinh tế trong gia đình, nên bà không đồng ý cùng ông T trả nợ cho bà A và ông P. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại văn bản đề ngày 10 tháng 02 năm 2020, ông Đỗ Đức T trình bày việc ông mượn số tiền 2.109.000.000 đồng, bà H

không biết; ông đã sử dụng số tiền mượn vào mục đích cá nhân, không phải đầu tư trồng rừng, phát triển kinh tế gia đình. Tại Đơn xin xác nhận của bà Nguyễn Thị H đề ngày 31 tháng 12 năm 2019, được Công an xã Phổ P xác nhận có nội dung: *...trong thời gian từ năm 2014 cho đến năm 2017, ông Đỗ Đức T đã vắng mặt tại địa phương. Cả gia đình bà không ai biết ông T làm gì, ở đâu và không ai liên lạc được...* Mặt khác, tại Biên bản đối chất ngày 05 tháng 5 năm 2020 và tại phiên tòa phúc thẩm, bà A và ông P thừa nhận khi ông T viết Giấy mượn tiền đề ngày 31 tháng 7 năm 2016, không có mặt bà H; số tiền 2.109.000.000 đồng là do ông T mượn thành nhiều lần, có lúc có bà H, có lúc không có bà H, nhưng bà A và ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và không chứng minh được số tiền 2.109.000.000 đồng ông T mượn thành mấy lần; mỗi lần mượn bao nhiêu tiền; lần nào mượn tiền có bà H, lần nào mượn tiền không có bà H và ông T sử dụng số tiền mượn vào mục đích kinh doanh để phát triển kinh tế gia đình, nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại buộc bà H cùng ông T phải có nghĩa vụ trả cho bà A, ông P tổng số tiền 2.544.000.000 đồng là không có căn cứ. Do đó, kháng cáo của bà H là có cơ sở, được chấp nhận.

[2.2] Đối với biên bản làm việc đề ngày 08 tháng 10 năm 2019 (bút lục 58) thể hiện nội dung: *Vào năm 2014, ông P và ông T có việc hợp tác trồng rừng và ăn chia*, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà A và ông P đều thừa nhận đến nay vẫn chưa khai thác và không tranh chấp, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Tại đơn kháng cáo của bà H đề ngày 09/12/2019 có nội dung: *Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm làm rõ giao dịch dân sự giữa ông T và bà A có phải là giao dịch hợp pháp hay không*, Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) xét xử vụ án nói trên, ông T không kháng cáo, bà H chỉ kháng cáo về trách nhiệm trả nợ, hoàn toàn không kháng cáo về số tiền phải trả nợ. Theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với yêu cầu trên của bà H.

[2.4] Về án phí: Ông Đỗ Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 82.880.000 đồng [2.544.000.000 đồng = 72.000.000 đồng + (544.000.000 đồng x 2%)].

Bà Võ Thị Tuyết A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà A.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho bà H.

[2.5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định trên, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, sửa Bản án số 27/2019/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi.

1. Buộc ông Đỗ Đức T có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Tuyết A, ông Huỳnh P tổng số tiền 2.544.000.000 đồng (*hai tỷ, năm trăm năm mươi bốn triệu*), trong đó tiền nợ gốc là 2.109.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 435.000.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Đỗ Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 82.880.000 đồng (*tám mươi hai triệu, tám trăm tám mươi ngàn*).

Bà Võ Thị Tuyết A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà A 41.870.400 đồng (*bốn mươi một triệu, tám trăm bảy mươi ngàn, bốn trăm*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2016/0004938 ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà H 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0002740 ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ), tỉnh Quảng Ngãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)**

Trịnh Thị Thu Lan